

QUYẾT ĐỊNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505
(V/v: Ban hành Quy chế quản lý hợp đồng trong hoạt động SXKD)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/6/1999.
- Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/09/1989 của Hội đồng Nhà nước và nghị định 17/HĐBT ngày 06/01/1990 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) qui định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông đà 505
- Tờ trình số CT505/TC-HC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Giám đốc công ty cổ phần Sông đà 505
- Nghị quyết số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2005 của HĐ QT Công ty

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành qui chế "quản lý hợp đồng trong hoạt động SXKD của Công ty cổ phần Sông đà 505" kèm theo Quyết định này .

Điều 2: Giao cho ông : Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện công việc trên theo đúng pháp luật Nhà nước và các qui định của Công ty.

Điều 3: Các ông : Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chức năng, căn cứ quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu VP, TC-KT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Xuân Chuẩn

**QUY CHẾ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG
TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505**

(Kèm theo quyết định số 109/CT/HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2005)

**CHƯƠNG I :
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1 : Cơ sở pháp lý.

- 1.1 Pháp lệnh hợp đồng kinh tế số 24/LCT/HĐNN ngày 25/09/1989 của Hội đồng nhà nước và nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của HĐBT qui định chi tiết thi hành pháp lệnh hợp đồng kinh tế
- 1.2 Luật doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12/06/1999 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam
- 1.3 Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông đà 505

Điều 2 : Mục đích, nguyên tắc, phạm vi áp dụng:

- 2.1. Mục đích: Quy chế này ban hành để thống nhất quản lý công tác hợp đồng ở các công ty cổ phần Sông đà 505. Nhằm đưa công tác hợp đồng vào nề nếp , phù hợp với quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty .
- 2.2. Nguyên tắc ký kết hợp đồng kinh tế.
Khi ký kết hợp đồng kinh tế phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - Nguyên tắc tự nguyện : Các bên ký kết hợp đồng tự nguyện bày tỏ ý chí của mình để đạt được mục đích kinh doanh, không phụ thuộc vào sự sắp đặt của bất cứ tổ chức, cá nhân nào
 - Nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi : Không thể có hợp đồng chỉ mang lại lợi ích cho một bên, là nguyên tắc để hai bên phát huy hết khả năng của mình nhằm mang lại những hiệu quả thông qua những thỏa thuận được ghi nhận trong hợp đồng
 - Nguyên tắc trực tiếp chịu trách nhiệm tài sản : Các bên tham gia quan hệ hợp đồng kinh tế phải tự gánh vác trách nhiệm về tài sản bao gồm phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại khi có hành vi vi phạm hợp đồng kinh tế
 - Nguyên tắc không trái với pháp luật : Nguyên tắc này đòi hỏi việc thương thảo và ký kết hợp đồng kinh tế phải hợp pháp hay nói cách khác là mọi thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế phải hoàn toàn phù hợp

với các qui định hiện hành của pháp luật

2.3 Phạm vi áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các loại hợp đồng bao gồm: Hợp đồng kinh tế; Hợp đồng Thương mại và các Hợp đồng Dân sự phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Sông Đà 505.

Điều 3: Chế độ thực hiện và quản lý hợp đồng.

3.1. Chế độ thực hiện:

3.1.1. Phòng kinh tế - Kế hoạch là đầu mối chịu trách nhiệm soạn thảo và tổ chức đàm phán HĐ. Trong các điều kiện cụ thể Giám đốc có thể giao cho một bộ phận khác hoặc một phòng nào đó soạn thảo nhưng vẫn phải thống nhất với phòng Kinh tế - Kế hoạch và phải được lưu giữ, quản lý tại phòng Kinh tế - Kế hoạch.

3.1.2 Phòng Kinh tế - Kế hoạch có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi việc thực hiện hợp đồng để đảm bảo việc thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng các điều khoản của hợp đồng; bổ xung hợp đồng (nếu có).

3.1.3. Đối với các hợp đồng giá trị lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, khi ký kết với các đối tác nước ngoài nếu thấy cần thiết thì phải thuê tư vấn chuyên ngành thẩm tra. Việc thuê tư vấn thẩm tra do người có thẩm quyền ký hợp đồng quyết định. Nếu tổ chức thực hiện thẩm tra trong nội bộ thì người được giao nhiệm vụ soạn thảo, đàm phán hợp đồng phải thu thập đầy đủ ý kiến của các tổ chức hoặc cá nhân tham gia thẩm tra trước khi trình ký hợp đồng. Các ý kiến thẩm tra này phải được thực hiện bằng văn bản và được lưu giữ cùng hợp đồng.

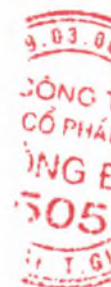
3.2. Chế độ báo cáo:

Hàng quý, sáu tháng, năm Phòng Kinh tế - Kế hoạch phải báo cáo tình hình thực hiện công tác hợp đồng kinh tế. Trong báo cáo phải đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế, các vi phạm sai sót, bài học kinh nghiệm trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện và thanh lý hợp đồng

Điều 4 : Yêu cầu của hợp đồng kinh tế

4.1. Yêu cầu khi sử dụng ngôn ngữ.

- Ngôn ngữ trong hợp đồng phải chính xác, cụ thể, dễ hiểu.
- Chỉ được sử dụng từ thông dụng, phổ biến tránh dùng các thổ ngữ (tiếng địa phương hoặc tiếng lóng).
- Trong hợp đồng không được tùy tiện ghép chữ, ghép tiếng, không được tùy tiện thay đổi thuật ngữ pháp lý và thuật ngữ kinh tế, không được dùng từ ngữ thừa và các chữ "vv.." hoặc dấu "...".



- Văn phạm trong hợp đồng phải nghiêm túc, dứt khoát, rõ ràng, ngắn gọn và đủ ý.
- 4.2. Yêu cầu về nội dung của hợp đồng kinh tế:
Hợp đồng kinh tế bao gồm các loại điều khoản sau đây:
- 4.2.1. Điều khoản chủ yếu: Là những điều khoản căn bản, nhất thiết phải có trong hợp đồng. Đây chính là những điều khoản bắt buộc đối với các chủ thể khi quan hệ hợp đồng kinh tế phải thoả thuận với nhau để ghi vào hợp đồng, bao gồm :
- Ngày, tháng, năm ký kết; tên, địa chỉ, điện thoại, fax, hộp thư điện tử, số tài khoản, mã số thuế; họ tên người đại diện hợp pháp.
 - Đối tượng của hợp đồng kinh tế: Là hàng hoá, hoặc công việc mà hai bên ký kết hợp đồng kinh tế hướng tới nhằm đạt được mục đích kinh doanh của mình. Đối tượng của hợp đồng được tính bằng số lượng, khối lượng, hoặc giá trị do các bên quy ước thoả thuận.
 - Tuỳ theo đối tượng của hợp đồng mà hai bên thoả thuận về chất lượng, chủng loại, quy cách, tính đồng bộ của sản phẩm, hàng hoá hoặc yêu cầu kỹ thuật của công việc.
 - Giá cả, giá trị của hợp đồng, loại hợp đồng.
 - Thời gian thực hiện, điều kiện giao nhận, nghiệm thu.
 - Phương thức thanh toán.
 - Quyền và nghĩa vụ (trách nhiệm) của các bên.
 - Các biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh tế.
- 4.2.2. Điều khoản thường lệ: Là những điều khoản mà nội dung của nó đã được quy định trong các văn bản pháp luật. Những nội dung này các bên có thể đưa vào hợp đồng nhằm cụ thể hoá, nhưng không được trái với quy định của pháp luật, các điều khoản thường lệ gồm:
- Bảo hành.
 - Điều khoản bồi thường thiệt hại.
 - Điều khoản bất khả kháng.
- Trong trường hợp các bên không đưa vào nội dung của hợp đồng thì các bên vẫn phải mặc nhiên công nhận và có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 4.2.3. Điều khoản tùy nghi: Là những điều khoản được hai bên thoả thuận đưa vào hợp đồng căn cứ vào nhu cầu, khả năng, điều kiện và sự thoả thuận của hai bên, tuy nhiên khi thoả thuận thống nhất các điều khoản này phải đảm bảo vận dụng phù hợp với quy định của pháp luật, các điều khoản tùy nghi bao gồm:
- Biện pháp đảm bảo việc bảo hành sản phẩm, hàng hoá.
 - Thưởng khi hoàn thành tốt hợp đồng.
 - Giám định hàng hoá.
 - Biện pháp hoà giải; lựa chọn trọng tài
 - Hiệu lực của hợp đồng.
 - Điều khoản thanh lý hợp đồng.
- 4.3. Yêu cầu đối với các hợp đồng liên danh, liên kết đầu thầu.

Đối với các hợp đồng liên danh, thoả thuận liên danh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đấu thầu thì phải xác định rõ đơn vị Lãnh đạo liên danh, tỷ lệ thực hiện công việc và giấy ủy quyền cho Lãnh đạo liên danh. Sau khi liên danh thắng thầu phải tiến hành ký hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng phân chia công việc một cách cụ thể. Nội dung của các hợp đồng này phải thể hiện đầy đủ các điều khoản chủ yếu như đã quy định tại điều 4.2.

CHƯƠNG II : NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5 : Thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông :

- 5.1. Các hợp đồng kinh tế của Công ty với Thành viên HĐQT, Giám đốc, Thành viên Ban KS, cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết và với người liên quan đến họ chỉ được ký kết theo qui định sau : Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký.
- 5.2 . Đối với các hợp đồng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký

Điều 6 : Thẩm quyền của Hội đồng quản trị :

- 6.1. Các hợp đồng kinh tế của Công ty với Thành viên HĐQT, Giám đốc, Thành viên Ban KS, cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết và với người liên quan đến họ chỉ được ký kết theo qui định sau : Đối với các hợp đồng có giá trị từ 10% đến 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký.
- 6.2. Đối với các hợp đồng bán tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký.
- 6.3. Đối với hợp đồng xây lắp không do TCT Sông Đà làm tổng thầu có giá trị từ 10 tỷ trở lên thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký
- 6.4. Quyết định phê duyệt các hợp đồng mua sắm máy móc thiết bị cho các dự án đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao năng lực thiết bị thi công
- 6.5. Quyết định phê duyệt các hợp đồng tư vấn có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên
- 6.6. Quyết định phê duyệt các hợp đồng liên doanh, liên kết có giá trị từ 5

tỷ đồng trở lên

- 6.7. Đối với các hợp đồng khác : HĐQT quyết định phê duyệt các hợp đồng liên quan đến các lĩnh vực : Chuyển quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, thương hiệu, quyền chuyển giao công nghệ
- 6.8. Các hợp đồng nêu tại khoản 6.1 đến 6.7 Điều này phải phù hợp với các qui định hiện hành; Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty

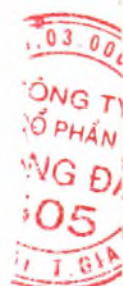
Điều 7 : Thẩm quyền của Giám đốc điều hành :

Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Công ty ký kết tất cả các loại hợp đồng trong hoạt động SXKD của Công ty cụ thể như sau :

- 7.1. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT qui định tại Điều 5 & 6 sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc có nghị quyết, quyết định phê duyệt của HĐQT, Giám đốc ký kết và tổ chức chỉ đạo thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp hợp đồng được ký kết trước khi Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc quyết định phê duyệt của HĐQT thì trong hợp đồng phải ghi rõ thời gian có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT phê duyệt
- 7.2. Các hợp đồng không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thì giám đốc quyết định ký kết và tổ chức chỉ đạo thực hiện phù hợp với qui định hiện hành; Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty
- 7.3. Các hợp đồng nhận thầu xây lắp với Tổng công ty Sông Đà là tổng thầu hoặc chủ đầu tư thì trên nguyên tắc hiệu quả Giám đốc Công ty chủ động thương thảo, ký kết hợp đồng và báo cáo HĐQT Công ty.
- 7.4. Các hợp đồng kinh tế thông qua đấu thầu, nhận thầu Giám đốc cần xem xét cụ thể các điều kiện về đơn giá, vốn thanh toán, các điều kiện kỹ thuật, điều kiện thi công và các điều kiện khác của gói thầu, đảm bảo khi thực hiện nhà thầu có lợi thì Giám đốc tiến hành thương thảo và ký hợp đồng theo pháp lệnh hợp đồng kinh tế và các qui định của qui chế này

Điều 8: Soạn thảo, đàm phán, phê duyệt và Ký kết hợp đồng:

- 8.1. Soạn thảo, đàm phán, thỏa thuận Hợp đồng :
 - 8.1.1. Khi soạn thảo, đàm phán, thỏa thuận Hợp đồng phải tuân theo các nguyên tắc đã quy định tại điều 2 của quy chế này. Quá trình soạn thảo và thương thảo phải nghiên cứu kỹ các yêu cầu và nhiệm vụ của hợp đồng; tính toán đầy đủ và chi tiết về khối lượng, số lượng, đơn giá; nghiên cứu kỹ chính sách và pháp luật hiện hành để vận dụng trong việc xây dựng bố cục, nội dung và các điều khoản của hợp đồng đảm



bảo bố cục của hợp đồng phù hợp với từng loại công việc cụ thể và nội dung của hợp đồng phải phù hợp với chính sách và pháp luật hiện hành.

- 8.1.2. Người được giao nhiệm vụ soạn thảo, đàm phán, thoả thuận hợp đồng kinh tế phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung của Hợp đồng khi trình ký.
- 8.1.3. Trước khi trình ký hợp đồng, người được giao nhiệm vụ soạn thảo, đàm phán, phải kiểm tra hồ sơ pháp lý để xác định tính hợp pháp của phía đối tác ký hợp đồng. Khi trình ký người thực hiện nhiệm vụ soạn thảo và đàm phán hợp đồng phải làm báo cáo đầy đủ về tính hợp pháp của hợp đồng.
- 8.1.4. Vì các lỗi bất cẩn hoặc cố ý trong quá trình soạn thảo, đàm phán, kiểm tra để xảy ra các tình trạng nội dung điều khoản của hợp đồng trái với các quy định của pháp luật thì người thực hiện phải chịu trách nhiệm trước đơn vị, nếu gây thiệt hại về tài sản phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ giá trị.
- 8.2. Phê duyệt Hợp đồng:
 - 8.2.1. Hồ sơ đề nghị trình duyệt bao gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt hợp đồng, kèm theo các tài liệu liên quan đến hợp đồng và bản hợp đồng kèm theo.
 - 8.2.2. Thời hạn thực hiện thủ tục phê duyệt: Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng, phòng Kinh tế - Kế hoạch phải hoàn thành thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt hợp đồng. Đối với những hợp đồng có các điều khoản kỹ thuật phức tạp thì thời hạn hoàn thành thủ tục được kéo dài nhưng không quá 07 ngày, trường hợp phải kéo dài hơn phải do Hội đồng quản trị Công ty quyết định
- 8.3. Ký kết hợp đồng kinh tế:
 - 8.3.1. Người ký kết hợp đồng là Giám đốc Công ty, vì một lý do nào đấy mà Giám đốc Công ty không thể ký hợp đồng thì có thể uỷ quyền cho Phó Giám đốc của mình hoặc cấp dưới ký thay song vẫn phải chịu trách nhiệm như chính bản thân mình trực tiếp ký. Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng quy định của Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.
 - 8.3.2. Đối với các hợp đồng phải trình duyệt thì điều khoản về hiệu lực của hợp đồng phải ghi rõ : Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi được phê duyệt của cấp có thẩm quyền
 - 8.3.3. Số lượng bản hợp đồng do các bên tham gia ký kết thoả thuận.



Điều 9 : Ủy quyền ký hợp đồng :

- Việc ủy quyền ký hợp đồng phải đảm bảo nguyên tắc ủy quyền đúng thẩm quyền và không được ủy quyền lại cho cấp dưới hoặc ủy quyền vượt cấp cụ thể là : Giám đốc được ủy quyền cho các phó Giám đốc hoặc các người khác của đơn vị mình ký kết hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình. Người được Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc, trước pháp luật về việc ký kết hợp đồng và không được ủy quyền lại cho người khác
- Việc ủy quyền ký kết các hợp đồng dân sự sẽ được thực hiện theo "Điều 102 - Đại diện pháp nhân" và "Điều 103. Trách nhiệm dân sự của pháp nhân" của Bộ luật dân sự.

Điều 10: Thực hiện hợp đồng kinh tế :

10.1. Thực hiện hợp đồng: Thực hiện hợp đồng kinh tế là việc tổ chức triển khai thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng, nhằm làm cho các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng trở thành hiện thực. Yêu cầu của công tác thực hiện hợp đồng như sau:

- Sau khi hợp đồng được ký kết hoặc được phê duyệt, người đứng tên thay mặt pháp nhân ký kết hợp đồng phải tiến hành giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân thuộc quyền triển khai thực hiện hợp đồng.
- Các đối tượng được giao nhiệm vụ phải nghiên cứu kỹ các điều khoản của hợp đồng, lập kế hoạch tiến độ chi tiết để triển khai, thực hiện các công việc cụ thể phù hợp với các điều khoản của hợp đồng đảm bảo được tính hiện thực và tính hiệu quả của hợp đồng.
- Trong quá trình triển khai thực hiện hợp đồng, các đối tượng được giao nhiệm vụ phải theo dõi, đôn đốc phía đối tác thực hiện các nghĩa vụ của họ theo các điều khoản của hợp đồng nhất là các nghĩa vụ về thời hạn, tiến độ thực hiện; thời hạn tiến độ hoàn thành hợp đồng; thời hạn thanh toán và khả năng thanh toán.
- Các đối tượng được giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng phải chủ động tìm ra biện pháp để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện hợp đồng; các vướng mắc phát sinh không thể chủ động giải quyết được phải báo cáo và đề xuất kịp thời với người ký hợp đồng để giải quyết, tránh trường hợp để tồn đọng các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

10.2. Thay đổi bổ sung hợp đồng: Thay đổi bổ sung hợp đồng đã được ký kết là sự thay đổi bổ sung một số nội dung trong các điều khoản của hợp đồng đã thoả thuận. Việc thay đổi bổ sung này phải được thể hiện bằng văn bản thoả thuận của các bên do người đại diện có thẩm quyền quyết định.

10.3. Đình chỉ hợp đồng: Đình chỉ hợp đồng là sự chấm dứt nửa chừng việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng của các bên đối với nhau. Việc đình chỉ hợp đồng phải do cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp



đồng quyết định.

10.4 Thanh lý hợp đồng: Thanh lý hợp đồng kinh tế là hành vi cuối cùng của các chủ thể đã ký hợp đồng kinh tế để kết thúc mối quan hệ thông qua hợp đồng này. Việc thanh lý hợp đồng phải lập thành biên bản và được hai bên ký kết với nội dung chủ yếu như sau:

- Xác định cụ thể kết quả đã thực hiện qua những thoả thuận đã ghi trong hợp đồng.
- Những tồn tại và nghĩa vụ của các bên sau khi thanh lý hợp đồng.
- Trách nhiệm về vật chất của các bên sau khi ký kết biên bản thanh lý hợp đồng
- Khi biên bản thanh lý hợp đồng đã được các bên ký kết thì hợp đồng kinh tế coi như đã chấm dứt. Những nghĩa vụ và quyền lợi của các bên đã được xác nhận qua biên bản thanh lý vẫn còn giá trị pháp lý để mỗi bên thực hiện tiếp cho đến khi hoàn thành xong các vấn đề đã xác nhận trong biên bản thanh lý. Việc thanh lý này được thực hiện khi:
 - Mọi thoả thuận trong hợp đồng đã được các bên liên quan hoàn tất.
 - Thời hạn hợp đồng kinh tế đã kết thúc và không có yêu cầu gia hạn
 - Hợp đồng kinh tế bị đình chỉ hoặc huỷ bỏ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - Trong trường hợp hợp đồng kinh tế đã được thực hiện và các bên đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thoả thuận trong hợp đồng, thì hợp đồng kinh tế đó coi như đã được thanh lý.

10.5 Tranh chấp hợp đồng và phương hướng giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện cần phải nỗ lực cố gắng để tránh xảy ra tranh chấp. Trường hợp xảy ra tranh chấp phải cố gắng nỗ lực cao nhất để bàn bạc thương thảo giải quyết các tranh chấp phát sinh với phía đối tác bằng biện pháp tự hoà giải. Những trường hợp không thể hoà giải được phải báo cáo người có thẩm quyền cao nhất để tìm biện pháp giải quyết.



Điều 11 : Điều khoản thực hiện :

- Trong quá trình thực hiện qui chế này nếu có khó khăn vướng mắc gì cần phải kịp thời phản ánh về Công ty qua Phòng kinh tế - kế hoạch để tổng hợp và xử lý
- Giám đốc, các phó Giám đốc, trưởng các phòng ban chức năng của Công ty và các cá nhân trong Công ty có liên quan đến công tác hợp đồng kinh tế phải thực hiện nghiêm chỉnh qui chế này
- Qui chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các qui định trước đây trái với qui chế này đều được bãi bỏ./.